I. 圈一圈： 請把聽到的詞彙圈出來。 Circle the vocabulary words what you hear.

quān yī quān qǐng bǎ tīng dào de cí huì quān chū lái

A. 1.

2.

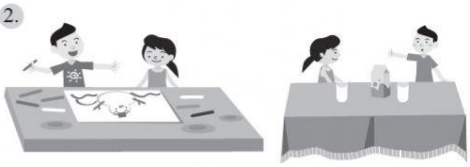

B. 1. 吃 畫 2. 鼻子 眼睛 3. 雪人 一起

4. 手 頭 5. 要 跟

III. 連一連： 請把生詞連上注音或拼音。 Draw lines connecting the vocabulary words with the corresponding phonetic symbols.

lián yī lián qǐng bǎ shēng cí lián shàng zhù yīn huò pīn yīn

A.

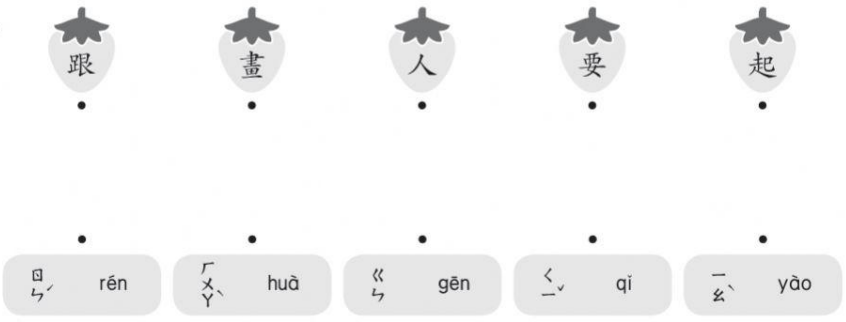

B.

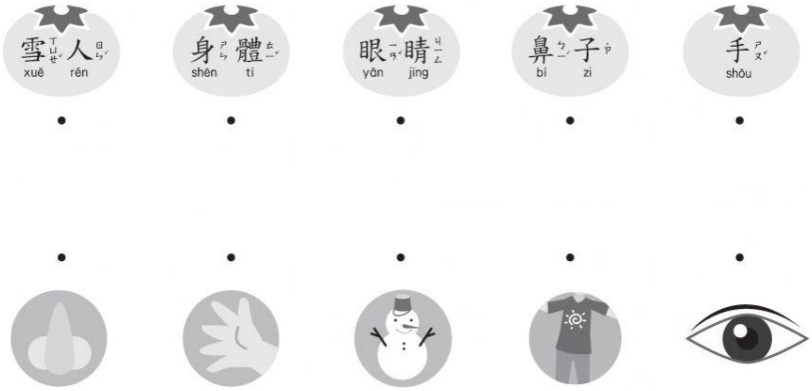

IV. 填一填： 請把正確生詞的號碼填到空格裡。

tián yī tián qǐng bǎ zhèng què shēng cí de hào mǎ tián dào kōng gé lǐ

Fill in the blanks with the correct vocabulary words.

1. 畫 2. 一起 3. 要不要

：爸爸，你_____跟我_____畫雪人？

：好，我要_____頭和眼睛。

V. 寫一寫： 請在空格裡寫出正確的漢字。 Write the correct characters in the boxes.

xiě yī xiě qǐng zài kōng gé lǐ xiě chū zhèng què de hàn zì

： 心美， 你要畫什麼？

xīn měi nǐ yào huà shén me

： 我要畫 [ ] 和 [ ] 。

wǒ yào huà hàn

ㄊㄡˊ tóu ㄕㄡˇ shǒu

LIVEWORKSHEETS